|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ........................  **TRƯỜNG TH &THCS ........................** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2024- 2025**  **MÔN CÔNG NGHỆ 7**  *Thời gian làm bài: 45 phút*  *(Đề có 02 trang, HS làm bài vào giấy thi)* |

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Giới thiệu về chăn nuôi** | ***Vai trò, triển vọng của chăn nuôi*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5,0** |
| ***Một số*** ***vật nuôi phổ biến ở nước ta*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5,0** |
| ***Phương thức chăn nuôi*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5,0** |
| ***Ngành nghề trong chăn nuôi*** |  |  |  |  |  |  | 1 | 5 |  | 1 | **5** | **10,0** |
| ***Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi*** | 1 | 1,5 |  |  | 1 | 10 |  |  | 1 | 1 | **11,5** | **25,0** |
| **2** | **Nuôi dưỡng và**  **chăm sóc vật nuôi** | ***Vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5,0** |
| ***Nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi*** | 2 | 3 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | **3** | **10,0** |
| **3**  33 | **Phòng và trị bệnh cho vật nuôi** | ***Vai trò của phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** |  |  | 1 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 3 | **5,0** |
| ***Nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi*** |  |  | 1 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | **3** | **5,0** |
| ***Phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** | 2 | 3 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | **3** | **10,0** |
| **44** | **Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ** | ***Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gà thịt*** |  |  | 3 | 9 |  |  |  |  | 3 |  | **9** | **15,0** |
| ***Phòng trị bệnh cho gà thịt*** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |  |
| ***Tổng*** | | | ***9*** | ***15*** | ***5*** | ***15*** | ***1*** | ***10*** | ***1*** | ***5*** | ***14*** | ***2*** | ***45*** |  |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **70** | **30** | **100** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  |  | **100** | **100** |

**Bản đặc tả đề kiểm tra giữa học kì II môn Công nghệ 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Giới thiệu về chăn nuôi** | 1. ***Vai trò, triển vọng của chăn nuôi*** | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế.  - Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt nam. | 1 |  |  |  |
| 2. ***Một số*** ***vật nuôi phổ biến ở nước ta*** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều ở nước ta (gia súc, gia cầm...).  - Nhận biết được một số vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta (gia súc, gia cầm.). | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - So sánh được các đặc điểm cơ bản của các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. |  |  |  |  |
| 3. ***Phương thức chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Nêu được các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta. | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  - Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở địa phương. |  |  |  |  |
|  | ***4. Ngành nghề trong chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  Nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  **-** Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân về các nghề trong chăn nuôi. |  |  |  | 1 |
|  | ***5. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Nêu được các vai trò việc vệ sinh chuồng trại trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nêu được những việc nên làm và không nên làm đề bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình và địa phương. | 1 |  | 1 |  |
| 2 | **Nuôi dưỡng và**  **chăm sóc vật** | ***Vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. | 1 |  |  |  |
| ***Nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi*** | **Nhận biết:**   * Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc cho một loại vật nuôi phổ biến. * So sánh được kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản. |  | 2 |  |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| 3 | ***Phòng và trị bệnh cho vật nuôi*** | ***Vai trò của phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi. |  | 1 |  |  |
| **Thông hiểu:**  - Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi. |  |  |  |  |
| ***Nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi*** | **Nhận biết:**   * Nêu được các nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi. |  | 1 |  |  |
| ***Phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** | **Thông hiểu:**   * Trình bày được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một số loại vật nuôi phổ biến. * Nêu được những việc nên làm, không nên làm để phòng bệnh cho vật nuôi. |  | 2 |  |  |
| **Vận dụng:**   * Vận dụng được kiến thức phòng trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc, phòng, trị bệnh một loại vật nuôi trong gia đình. |  |  |  |  |
| 4 | ***Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ*** | ***Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gà thịt*** | **Nhận biết:**  - Trình bày được kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gà thịt | 2 | 1 |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ........................  **TRƯỜNG THCS TH & THCS ........................** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2024- 2025**  **MÔN CÔNG NGHỆ 7**  *Thời gian làm bài: 45 phút*  *(Đề có 02 trang, HS làm bài vào giấy thi)* |

**A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng nhất**

**Câu 1**. Chăn nuôi có vai trò nào sau đây?

A. Cung cấp thực phẩm hàng ngày cho con người, cung cấp nguyên liệu cho chế biến, cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu, cung cấp nguồn phân bón hữu cơ.

B. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến.

C. Cung cấp nguồn phân bón hữu cơ.

D. Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu.

**Câu 2.**  Vật nuôi phổ biến ở nước ta:

A. Gia súc: trâu, bò, chó, lợn; Gia cầm: ngan, vịt.  B. Gia cầm: ngan, vịt.

C. Cá, tôm. D. Hổ, sư tử.

**Câu 3.** Các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta:

A. Chăn nuôi hộ gia đình. B. Chăn nuôi trang trại.

C. Chăn nuôi cá nhân. D. Chăn nuôi nông hộ, chăn nuôi trang trại.

**Câu 4.** Biện pháp nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi là:

A. Một tuần thu gom chất thải một lần.

B. Thải ra mương máng.

C. Một tháng thu gom chất thải một lần.

D. Thu gom chất thải triệt để và sớm nhất có thể

**Câu 5**. Chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi gồm các công việc như:

**A.**Cung cấp thức ăn đầy đủ, vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, giữ ấm cho vật nuôi. B. Vệ sinh chuồng trại sạch sẽ.

C. Giữ ấm cho vật nuôi. D. Thả cho vật nuôi tự kiếm ăn.

**Câu 6.** Biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non:

A. Cho con non ăn cám.

B. Giữ ấm và chăm sóc chu đáo, chuồng nuôi sạch sẽ, khô ráo, thông thoáng, yên tĩnh, cho bú sữa đầu, tập cho ăn sớm.

C. Con non cai sữa càng sớm càng tốt.

D. Cho vật nuôi non uống nhiều nước.

**Câu 7:** Biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống là:

A. Ăn thức ăn càng khô càng tốt.

B. Ăn thức ăn nhiều nước.

C. Chuồng nuôi rộng rãi, phù hợp, sạch sẽ, khô ráo, mát về mùa hè, ấm về mùa đông, tắm và vận động thường xuyên, khai thác tinh hoặc giao phối khoa học

D. Tắm liên tục.

**Câu 8:** Một số biểu hiện bệnh của vật nuôi trong là:

A. Buồn bã. B. Buồn bã, chậm chạp, bại liệt, chảy nước mắt, bỏ ăn.

C. Chảy nước mắt. D. Buồn nôn.

**Câu 9:** Nguyên nhân chính gây bệnh vật nuôi?

A. Do vi sinh gây bệnh.

B. Do động vật kí sinh.

C. Do thừa hoặc thiếu dinh dưỡng, thức ăn không an toàn, động vật kí sinh, môi trường sống không thuận lợi, vi sinh gây bệnh.

D. Do môi trường sống không thuận lợi.

**Câu 10:** Một số biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi

A.  Nuôi dưỡng tốt.

B. Nuôi dưỡng tốt, chăm sóc chu đáo, vệ sinh môi trường sạch sẽ, cách li tốt, tiêm phòng văc xin đầy đủ.

C. Vệ sinh môi trường sạch sẽ, cách li tốt, tiêm phòng văc xin đầy đủ.

D. Tiêm phòng văc xin đầy đủ.

**Câu 11:** Biện pháp trị bệnh cho vật nuôi:

A. Dùng thuốc. B. Phẫu thuật.

C. Dùng thuốc uống, tiêm; phẫu thuật. D. Mời thầy cúng đến cúng.

**Câu 12:** Chuồng nuôi gà thịt phải đảm bảo yêu cầu:

A. Vị trí hướng gió lùa và ánh nắng trực tiếp.

B. Nền đất.

C. Đảm bảo kín đáo.

D. Vị trí cao ráo, lát gạch hoặc láng xi măng, lót thêm lớp độn chuồng.

**Câu 13:** Thức ăn cho gà đảm bảo đủ mấy nhóm dinh dưỡng

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 14:** Khi dùng thuốc phòng trị bệnh cho gà cần tuân thủ nguyên tắc

**A.** Đúng thuốc, đúng thời điểm, đúng liều lượng, đúng cách.

B. Đúng thời điểm.

C. Đúng liều lượng.

D. Đúng thuốc.

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1 (1 điểm):** Trong hai nghề của ngành chăn nuôi, em thích nghề nào hơn. Tại sao?

**Câu 2 (2 điểm):** Ngày nay, người ta cho rằng chất thải chăn nuôi là một nguồn tài nguyên nguyên rất có giá trị. Em cho biết ý kiến trên đúng hay sai. Tại sao?